TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 4 - 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Long

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hoàng Kiều D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đội 2, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Hoàng Kiều D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn P tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2011 tại UBND xã T, huyện S. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn xa ở tỉnh H cho tới ngày 09/10/2014 chị về quê chăm sóc con và xin việc làm tại Công ty May Đ. Còn anh P vẫn ở lại làm việc, một năm về quê thăm mẹ con chị 02 lần. Vào khoảng 05/2017 vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn, anh

nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên anh thường xuyên xúc phạm đến nhân phẩm của chị, nói những lời xúc phạm đến bản thân chị và gia đình cha mẹ chị, phủ nhận đứa con ruột của mình. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Nay chị xét thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài, tình cảm hai vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 02/4/2011. Hiện cháu đang được chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

* Tại phiên tòa anh Nguyễn Tấn P vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 01/11/2017, tại buổi hòa giải ngày 07/11/2017 bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị Trần Hoàng Kiều D có tự nguyện tìm hiểu một thời gian, sau đó vợ chồng đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 11/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng vào miền Nam làm ăn, đến năm 2014 thì vợ chồng về quê sinh sống, đến năm 2015 anh vào lại miền Nam làm ăn, anh vẫn thường xuyên về thăm vợ con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Nay chị Trần Hoàng Kiều D muốn ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 28/11/2017 anh Nguyễn Tấn P trình bày: Từ năm 2015 anh đi vào miền Nam làm ăn, anh nghi ngờ chị D ngoại tình nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Nay Chị D xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 02/4/2011. Hiện cháu đang được chị D nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000,đồng (Một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần người khác nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/02/2018 TAND huyện Sơn Tịnh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ấn định ngày xét xử vào ngày 15/3/2018, đã giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho anh P, tại phiên tòa ngày 15/3/2018 anh P vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở lại phiên tòa vào ngày 04/4/2018, đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoàng Kiều D và anh Nguyễn Tấn P kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S vào ngày 11/02/2011. Anh P và chị D là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy: Anh P nghi ngờ chị D ngoại tình nên vợ chồng mâu thuẫn, anh P có lời nói xúc phạm chị D và gia đình chị D. Mặc dù gia đình đã hòa giải nhưng hai bên không bỏ qua cho nhau, anh P và chị D đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị D đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy ghi nhận sự tự nguyện của anh P và chị D. Chị D được ly hôn anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị D có một con chung tên là Nguyễn Tấn T – Sinh ngày 02/4/2011, hiện nay cháu T do chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu T hiện nay có cuộc sống ổn định, chị D nuôi con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, nên ghi nhận sự tự nguyện của anh P và chị D giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị D không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, song anh P đề nghị được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000,đồng cho cháu T, tại phiên tòa chị D cũng chấp nhận việc anh P cấp dưỡng nuôi con, vì vậy ghi nhận sự tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000,đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vợ chồng không nợ ai, và không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản người khác nợ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Án phí: Chị D, anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 227; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Hoàng Kiều D. Chị Trần Hoàng Kiều D được ly hôn anh Nguyễn Tấn P.

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Hoàng Kiều D. Giao cháu Nguyễn Tấn T; sinh ngày 02/4/2011 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000,đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về án phí: Chị Trần Hoàng Kiều D phải chịu 300.000,đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000,đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000688 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Sơn Tịnh. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phần cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ